TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Trần Thị Phúc**;
Bà **Nguyễn Thị Bích Hiệp**.
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Bùi Văn Cương**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Văn Vịnh -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị S**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp C K, xã T H, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).
- Bị đơn: Ông **Mao T**, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp C K, xã T H, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị S trình bày:

Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn ngày 01/8/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Ông T thường xuyên uống rượu, hay ghen tuông, có lần nóng giận còn đánh bà. Vì thương con nên bà đã cố gắng nhẫn nhịn, tuy nhiên đến nay ông T vẫn không chịu sửa đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Ông bà có 06 con chung tên Mao N1, sinh năm 1989, Mao T, sinh ngày 10/02/1992, Mao P, sinh ngày 06/11/1994, Mao N2, sinh ngày 14/7/2000, Mao N3, sinh ngày 12/8/2002 và Mao T, sinh ngày 28/10/2010. Sau khi ly hôn thì các chung tên N1, T và P đã thành niên bà không yêu cầu giải quyết; bà yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung tên Mao N2, Mao N3 và Mao Th, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Mao T trình bày:

Ông thống nhất với lời khai của bà S về các vấn đề hôn nhân và con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng ông thừa nhận có lần nóng giận nên ông có đánh bà S. Nay ông vẫn còn tình cảm với bà S nên ông không đồng ý ly hôn.

Nếu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn thì về con chung ông yêu cầu như sau: Các con chung tên Mao N1, Mao T và Mao P đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; ông đồng ý giao con chung tên Mao N2, Mao N3 và Mao T cho bà S nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để sử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S đối với ông T.

+ Về con chung: Các con chung tên Mao N1, Mao T và Mao P đã thành niên, ông bà không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Giao các con chung tên Mao N2, Mao N3 và Mao T cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận bà S và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Mao T là Bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà S và ông T đều thừa nhận chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 01/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ông bà cũng thừa nhận quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn từ nhiều năm nay không hàn gắn được. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết này là sự thật.

Bà S cho rằng ông T thường xuyên uống rượu, hay ghen tuông, có đánh bà nhiều lần. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn để gia đình được hạnh phúc nhưng ông T vẫn không thay đổi. Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Ông T cũng thừa nhận có mâu thuẫn như bà S trình bày và theo lời trình bày của ông thì ông đã không còn tình cảm với bà S.

Xét yêu cầu và lời trình bày của ông bà thấy rằng: Ông bà thực tế có mâu thuẫn với nhau trong một khoảng thời gian dài không điều hòa được. Ông T thường xuyên uống rượu, hay ghen tuông, đánh bà S nhiều lần. Những tình tiết này hoàn toàn phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi ông bà sinh sống. Bà S không còn tình cảm với ông T và cương quyết ly hôn dù đã được động viên, hòa giải để đoàn tụ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định ông bà không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà S là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Các con chung tên Mao N1, Mao T và Mao P đã thành niên, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Ông bà tự thỏa thuận giao con chung tên Mao N2, sinh ngày 14/7/2000, Mao N3, sinh ngày 12/8/2002 và Mao T, sinh ngày 28/10/2010 cho bà S tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; bà S không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các ý kiến này của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của các cháu N2, N3, T nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông T đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị S đối với ông Mao T. Bà Lâm Thị S được ly hôn với ông Mao T.

2- Về con chung:

+ Ba con chung tên Mao N1, sinh năm 1989, Mao T, sinh ngày 10/02/1992, Mao P, sinh ngày 06/11/1994 đã thành niên, ông Mao T và bà Lâm Thị S không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

+ Bà Lâm Thị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng ba con chung tên Mao N2, sinh ngày 14/7/2000; Mao N3, sinh ngày 12/8/2002 và Mao T, sinh ngày 28/10/2010. Ghi nhận bà Lâm Thị S không yêu cầu ông Mao T phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Mao T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị S và ông Mao T đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí dân sự sô thẩm: Bà Lâm Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025102 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà Lâm Thị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà S biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T có quyền kháng có trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-UBND xã;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.